

Toán tư duy lớp 1

16 phiếu theo 6 dạng bài thường gặp. Mỗi phiếu: trang bài tập và trang đáp án cho bố mẹ. In khổ A4, miễn phí, không cần đăng ký.

		Nội dung	Trang
Dạng 1	**Phiếu 48**	Số trên bàn tính Soroban: chục và đơn vị	2–3
Dạng 1	**Phiếu 28**	Tách – gộp số trong phạm vi 10	4–6
Dạng 2	**Phiếu 19**	Điền số còn thiếu	7–8
Dạng 2	**Phiếu 49**	Tháp số: mỗi ô bằng tổng hai ô bên dưới	9–10
Dạng 2	**Phiếu 50**	Tam giác số và bảng cộng kỳ diệu	11–12
Dạng 3	**Phiếu 20**	So sánh: điền dấu >, <, =	13–14
Dạng 3	**Phiếu 51**	Cân thăng bằng: quả nào nặng hơn?	15–16
Dạng 4	**Phiếu 21**	Tìm quy luật của dãy số	17–18
Dạng 4	**Phiếu 52**	Tìm quy luật của hình	19–20
Dạng 5	**Phiếu 53**	Giải mã: mỗi loại quả là số mấy?	21–22
Dạng 5	**Phiếu 54**	Sudoku 4 × 4 cho bé	23–24
Dạng 5	**Phiếu 55**	Suy luận: ai cao nhất, xếp hàng, đố vui	25–26
Dạng 6	**Phiếu 56**	Đếm hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật	27–28
Dạng 6	**Phiếu 57**	Đếm khối lập phương	29–30
Dạng 6	**Phiếu 58**	Vẽ hình trên lưới chấm, hình đối xứng	31–32
Thêm	**Phiếu 59**	Mê cung số: cộng, trừ, đếm thêm 2	33–34

Cách dùng: mỗi ngày 10–15 phút, một phần của phiếu là đủ. Bố mẹ giữ trang đáp án; sau khi con làm xong, chấm cùng con và hỏi "Vì sao con biết?". Giải thích từng dạng bài: **kodomo-soroban-center.com/toan-tu-duy-lop-1/**

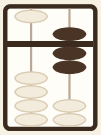
© Kodomo Soroban Center

Số trên bàn tính Soroban: chục và đơn vị

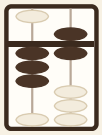
Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /16

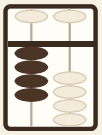
Không cần có bàn tính ở nhà: chỉ cần nhìn hình. Hạt nào chạm thanh ngang mới được đếm. Đáp án ở trang 2.



Hạt trên = 5, hạt dưới = 1
Chỉ đếm hạt chạm thanh ngang. Ví dụ: 5 + 2 = 7.

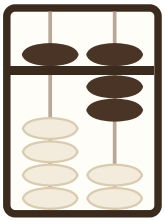


Trục trái: chục
3 chục và 6 đơn vị là 36.

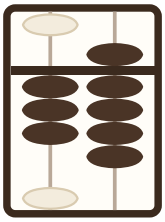


Trục phải trống
4 chục, 0 đơn vị là 40.

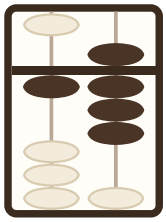
1 Bàn tính chỉ số mấy? Viết số vào ô.

1


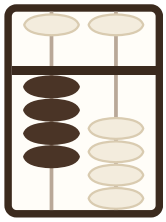
☐

2


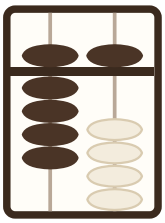
☐

3


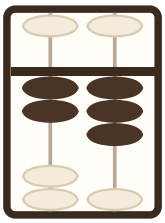
☐

4


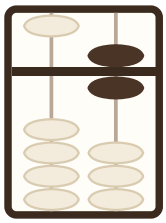
☐

5


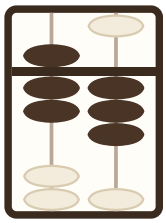
☐

6


☐

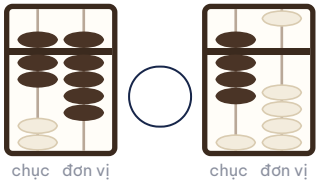
7


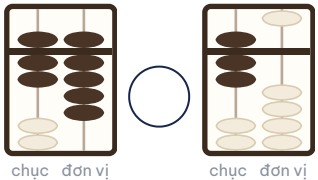
☐

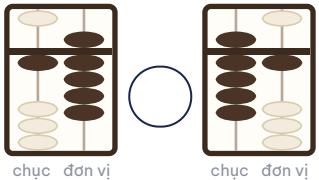
8


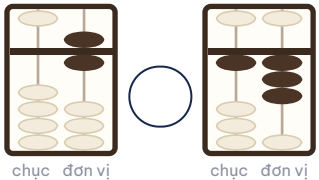
☐

2 So sánh hai số: điền dấu >, < vào ô tròn.

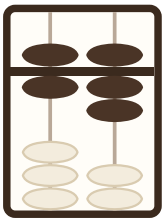
1


2


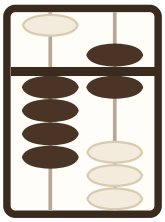
3


4


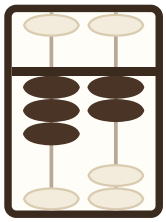
3 Số trên bàn tính gồm mấy chục và mấy đơn vị?

1


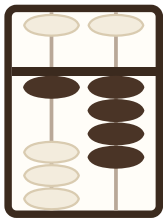
☐ chục ☐ đơn vị

2


☐ chục ☐ đơn vị

3


☐ chục ☐ đơn vị

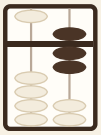
4


☐ chục ☐ đơn vị

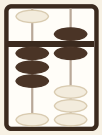
Số trên bàn tính Soroban: chục và đơn vị

Đáp án

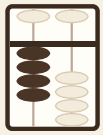
Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.



Hạt trên = 5, hạt dưới = 1
Chỉ đếm hạt chạm thanh ngang. Ví dụ: 5 + 2 = 7.

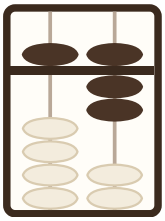


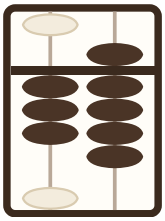
Trục trái: chục
3 chục và 6 đơn vị là 36.

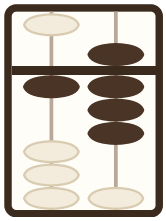


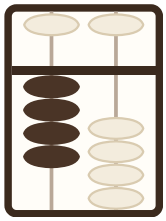
Trục phải trống
4 chục, 0 đơn vị là 40.

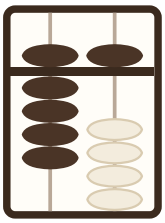
1 Bàn tính chỉ số mấy? Viết số vào ô.

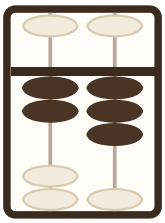
1

chục đơn vị
57

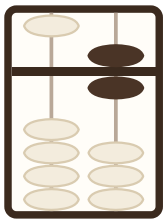
2

chục đơn vị
39

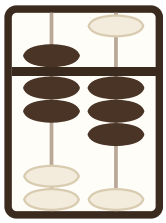
3

chục đơn vị
18

4

chục đơn vị
40

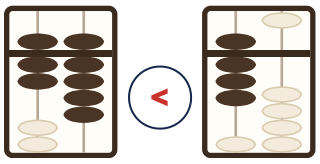
5

chục đơn vị
95

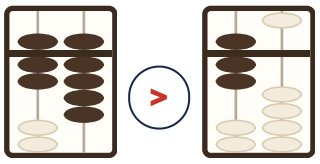
6

chục đơn vị
23

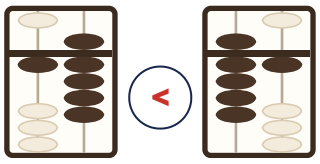
7

chục đơn vị
6

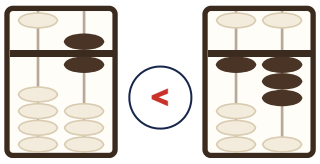
8

chục đơn vị
73

2 So sánh hai số: điền dấu >, < vào ô tròn.

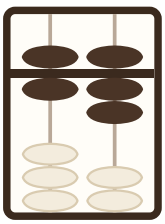
1


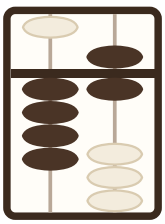
2


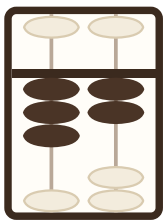
3


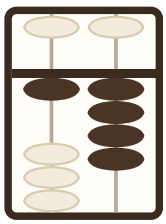
4


3 Số trên bàn tính gồm mấy chục và mấy đơn vị?

1

chục đơn vị
6 chục 7 đơn vị

2

chục đơn vị
4 chục 6 đơn vị

3

chục đơn vị
3 chục 2 đơn vị

4

chục đơn vị
1 chục 4 đơn vị

Gợi ý cho phụ huynh. Bài 2 cố ý có cặp số đổi chỗ hai chữ số (như 27 và 72) và cặp số sát nhau quanh số tròn chục. Hãy hỏi con: "Vì sao con biết?" – con so hàng chục trước, hàng chục bằng nhau mới so hàng đơn vị.

Tách – gộp số trong phạm vi 10

Tách – gộp

Đọc 3 ô mẫu cùng con. Ở trường, sơ đồ tách – gộp thường vẽ như phần 1: số ở trên là **tất cả**, hai số ở dưới là **hai phần**. Lúc đầu cho con dùng hạt đậu hoặc que tính để kiểm tra. Đáp án ở trang 3.

① Gộp số

●●● và ●●

3 và 2 gộp lại được 5

Hai nhóm nhỏ gộp thành một nhóm lớn. Viết thành phép cộng: 3 + 2 = 5.

② Tách số

7 tách thành 5 và 2

7 gồm 5 và 2

Một nhóm tách thành hai phần. Từ đó có phép trừ: 7 − 2 = 5, 7 − 5 = 2.

③ Trên bàn tính Soroban

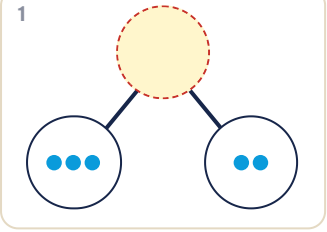
5 = 1 + 4 = 2 + 3

10 = 1 + 9 = 2 + 8 …

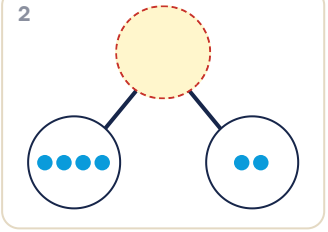
Các cặp đủ 5 (“bạn nhỏ”) và đủ 10 (“bạn lớn”) là hai quy tắc đầu tiên khi học Soroban.

1 Điền số còn thiếu vào ô tròn nét đứt (câu 1–4: đếm chấm trước)

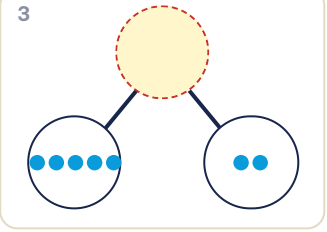
1



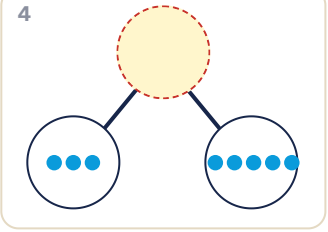
2



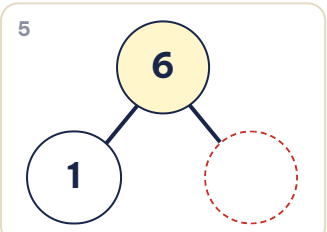
3



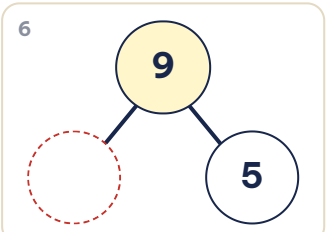
4



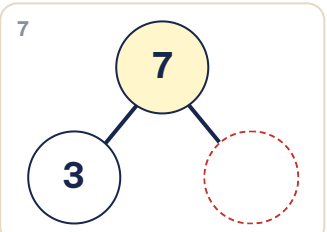
5



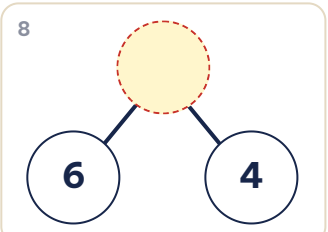
6



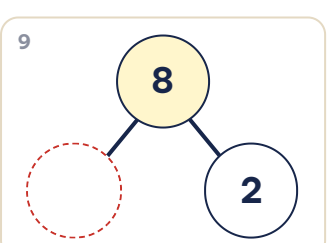
7



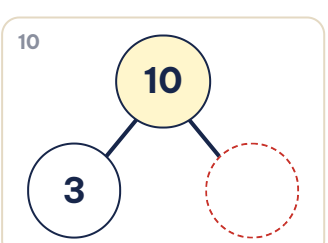
8



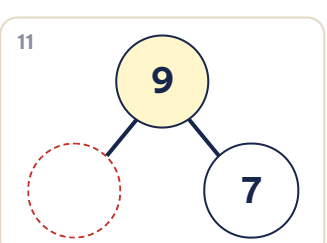
9



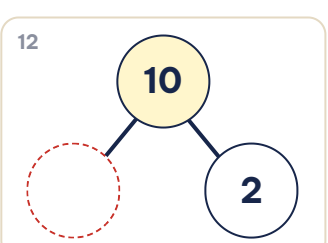
10



11



12



Nói thành câu

“Tám gồm ba và năm.” Nói to giúp con nhớ cả hai phần.

Hàng 5 chấm

Chấm được xếp mỗi hàng 5 để con “thấy” 7 là 5 và 2 – không cần đếm từng chấm.

Đổi chỗ

3 và 5 hay 5 và 3 đều gộp được 8. Cho con tự phát hiện điều này.

Tách – gộp số trong phạm vi 10

Luyện tập

Mỗi ngày làm một phần, khoảng 5–10 phút. Nếu con còn đếm ngón tay, cứ để con đếm – khi đã quen, con sẽ tự nhớ các cặp số. Đáp án ở trang 3.

2 Viết số còn thiếu

1. 8 gồm 2 và ☐
2. 5 gồm 4 và ☐
3. 8 gồm 6 và ☐
4. 6 gồm 5 và ☐
5. 9 gồm 2 và ☐
6. 7 gồm 3 và ☐
7. 7 gồm 4 và ☐
8. 8 gồm 4 và ☐
9. 9 gồm 8 và ☐
10. 10 gồm 1 và ☐
11. 10 gồm 5 và ☐
12. 5 gồm 3 và ☐

3 Bạn của 5 và bạn của 10

Bạn của 5 (bạn nhỏ)

- 5 = 1 + ☐
- 5 = 3 + ☐
- 5 = 2 + ☐
- 5 = 4 + ☐

Bạn của 10 (bạn lớn)

- 10 = 7 + ☐
- 10 = 9 + ☐
- 10 = 8 + ☐
- 10 = 2 + ☐
- 10 = 4 + ☐
- 10 = 3 + ☐
- 10 = 5 + ☐
- 10 = 1 + ☐
- 10 = 6 + ☐

4 Tìm tất cả các cách tách (bắt đầu từ 1, rồi 2, 3… để không bỏ sót)

Tách 6 thành hai phần – tìm hết các cách

- 6 gồm 1 và ☐
- 6 gồm 2 và ☐
- 6 gồm 3 và ☐
- 6 gồm 4 và ☐
- 6 gồm 5 và ☐

Tách 8 thành hai phần – tìm hết các cách

- 8 gồm 1 và ☐
- 8 gồm 2 và ☐
- 8 gồm 3 và ☐
- 8 gồm 4 và ☐
- 8 gồm 5 và ☐
- 8 gồm 6 và ☐
- 8 gồm 7 và ☐

Thấy quy luật
Phần đầu tăng 1 thì phần sau giảm 1. Hỏi con: “Con thấy gì?”

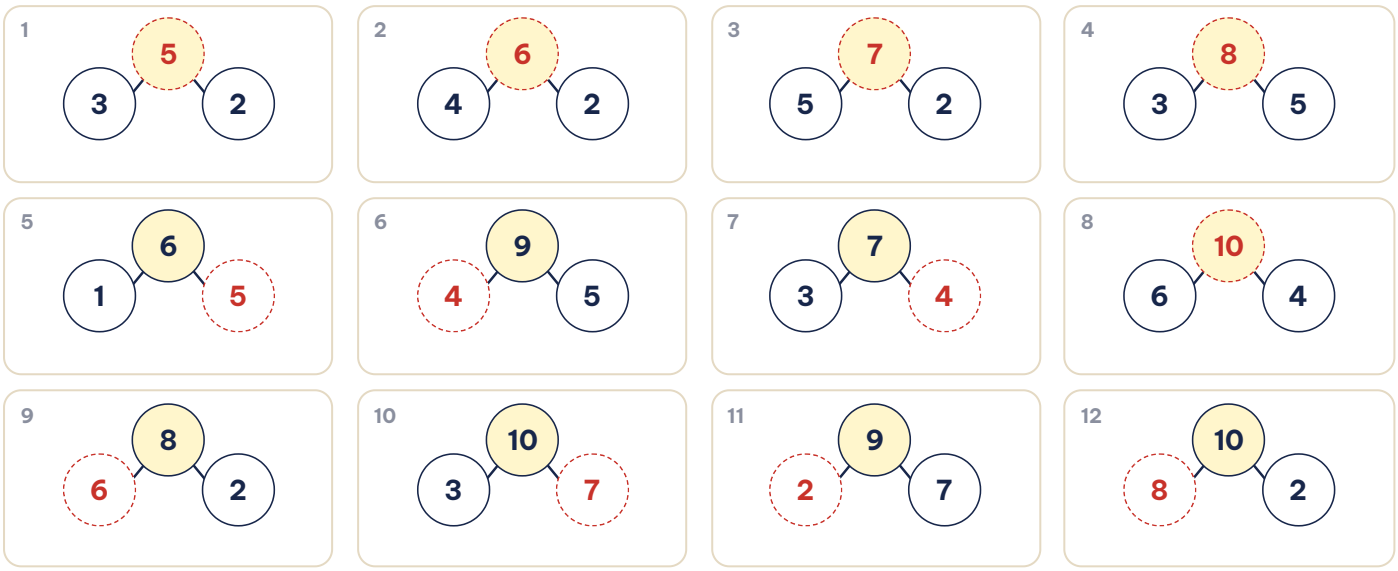
Phiếu tiếp theo
Thuộc bạn của 10 rồi thì sang phiếu 15: cộng qua 10 (7 + 5…).

Trò chơi
Úp 10 hạt đậu dưới hai cái bát, mở một bát – con đoán bát kia có mấy hạt.

Tách – gộp số trong phạm vi 10

Đáp án

1 Sơ đồ tách – gộp



2 Viết số còn thiếu

1. 8 gồm 2 và **6**
2. 5 gồm 4 và **1**
3. 8 gồm 6 và **2**
4. 6 gồm 5 và **1**
5. 9 gồm 2 và **7**
6. 7 gồm 3 và **4**
7. 7 gồm 4 và **3**
8. 8 gồm 4 và **4**
9. 9 gồm 8 và **1**
10. 10 gồm 1 và **9**
11. 10 gồm 5 và **5**
12. 5 gồm 3 và **2**

3 Bạn của 5 và bạn của 10

Bạn của 5 (bạn nhỏ)

- 5 = 1 + **4**
- 5 = 3 + **2**
- 5 = 2 + **3**
- 5 = 4 + **1**

Bạn của 10 (bạn lớn)

- 10 = 7 + **3**
- 10 = 9 + **1**
- 10 = 8 + **2**
- 10 = 2 + **8**
- 10 = 4 + **6**
- 10 = 3 + **7**
- 10 = 5 + **5**
- 10 = 1 + **9**
- 10 = 6 + **4**

4 Tất cả các cách tách

6 gồm: 1 và 5 · 2 và 4 · 3 và 3 · 4 và 2 · 5 và 1

8 gồm: 1 và 7 · 2 và 6 · 3 và 5 · 4 và 4 · 5 và 3 · 6 và 2 · 7 và 1

Điền số còn thiếu

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /40

3 + □ = 7 nghĩa là "3 thêm mấy thì được 7?". Con có thể đếm tiếp từ 3 lên 7.

□ + 6 = 8	9 − □ = 6	8 + □ = 10	□ − 7 = 0
7 − □ = 0	5 − □ = 0	□ − 4 = 1	6 + □ = 8
6 − □ = 0	□ + 2 = 6	□ + 1 = 7	□ − 8 = 1
9 + □ = 10	1 + □ = 8	6 + □ = 7	□ − 1 = 8
1 + □ = 6	□ + 1 = 8	1 + □ = 5	9 − □ = 8
□ + 1 = 3	□ − 1 = 2	□ + 5 = 10	□ + 1 = 4
3 + □ = 7	□ + 3 = 7	5 + □ = 10	□ + 9 = 10
□ + 7 = 8	□ − 7 = 1	6 + □ = 9	□ − 2 = 5
□ − 3 = 6	□ − 4 = 4	□ − 7 = 2	7 + □ = 10
3 + □ = 5	2 + □ = 5	□ − 3 = 1	2 + □ = 6

Điền số còn thiếu

Đáp án · Lớp 1

Đáp án

3 + □ = 7 nghĩa là "3 thêm mấy thì được 7?". Con có thể đếm tiếp từ 3 lên 7.

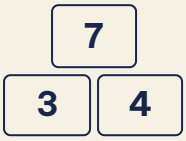
2 + 6 = 8	9 − 3 = 6	8 + 2 = 10	7 − 7 = 0
7 − 7 = 0	5 − 5 = 0	5 − 4 = 1	6 + 2 = 8
6 − 6 = 0	4 + 2 = 6	6 + 1 = 7	9 − 8 = 1
9 + 1 = 10	1 + 7 = 8	6 + 1 = 7	9 − 1 = 8
1 + 5 = 6	7 + 1 = 8	1 + 4 = 5	9 − 1 = 8
2 + 1 = 3	3 − 1 = 2	5 + 5 = 10	3 + 1 = 4
3 + 4 = 7	4 + 3 = 7	5 + 5 = 10	1 + 9 = 10
1 + 7 = 8	8 − 7 = 1	6 + 3 = 9	7 − 2 = 5
9 − 3 = 6	8 − 4 = 4	9 − 7 = 2	7 + 3 = 10
3 + 2 = 5	2 + 3 = 5	4 − 3 = 1	2 + 4 = 6

Tháp số: mỗi ô bằng tổng hai ô bên dưới

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /44

Làm phần 1 từ dưới lên. Phần 2 và 3 có ô trống ở hàng dưới: tìm ô nào biết chắc trước. Đáp án ở trang 2.

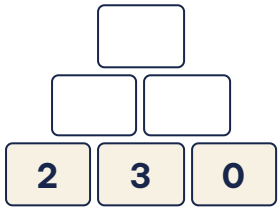


Mỗi ô bằng tổng hai ô ngay bên dưới
3 và 4 ở dưới thì ô trên là 3 + 4 = 7.

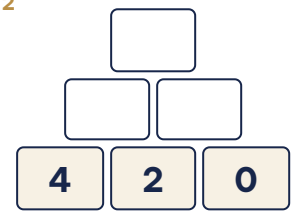
Ô dưới bị trống?
Nghĩ "3 thêm mấy được 7?" – lấy ô trên trừ ô bên cạnh: 7 − 3 = 4.

1 Tính rồi viết số vào ô trống.

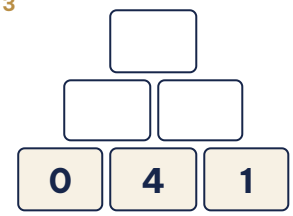
1



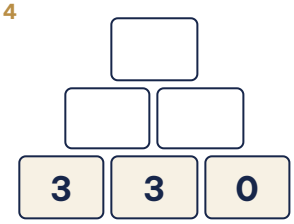
2



3

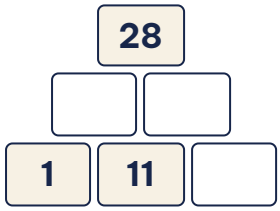


4

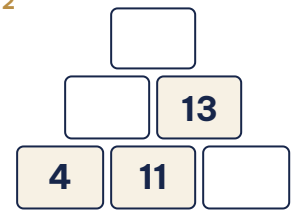


2 Tìm số còn thiếu (có ô trống ở hàng dưới).

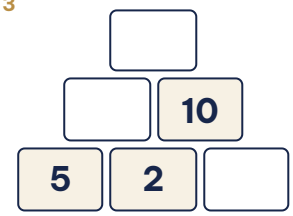
1



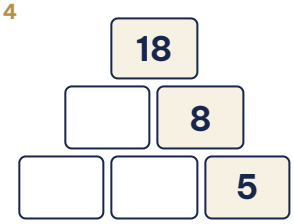
2



3

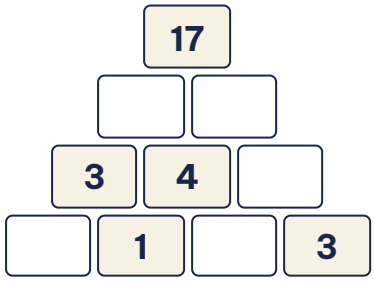


4

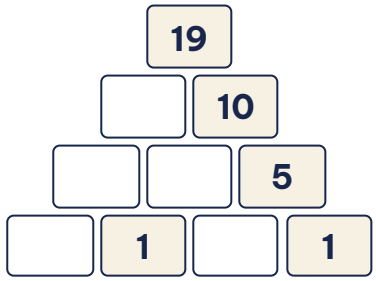


3 Tháp 4 tầng.

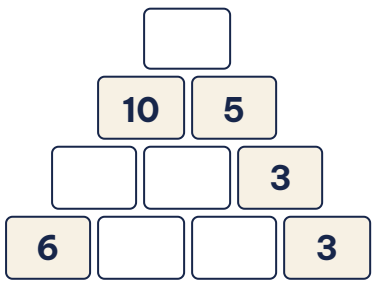
1



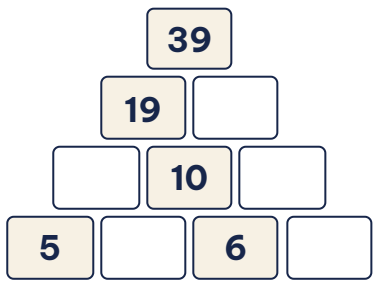
2



3



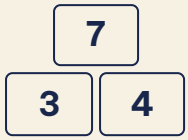
4



Tháp số: mỗi ô bằng tổng hai ô bên dưới

Đáp án

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

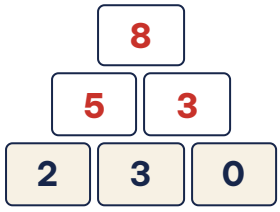


Mỗi ô bằng tổng hai ô ngay bên dưới
3 và 4 ở dưới thì ô trên là 3 + 4 = 7.

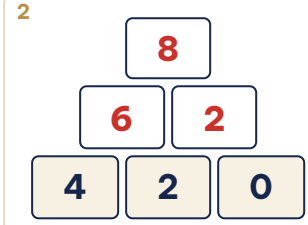
Ô dưới bị trống?
Nghĩ "3 thêm mấy được 7?" – lấy ô trên trừ ô bên cạnh: 7 − 3 = 4.

1 Tính rồi viết số vào ô trống.

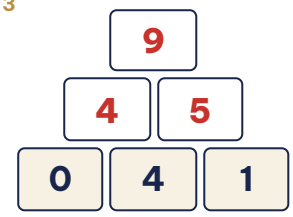
1



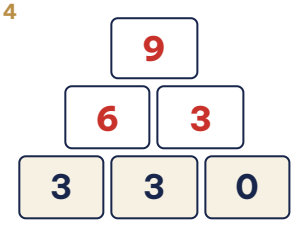
2



3

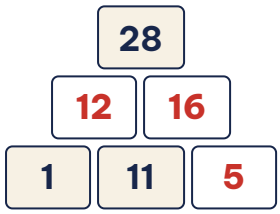


4

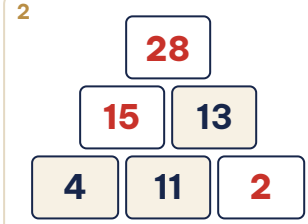


2 Tìm số còn thiếu (có ô trống ở hàng dưới).

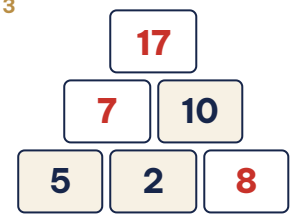
1



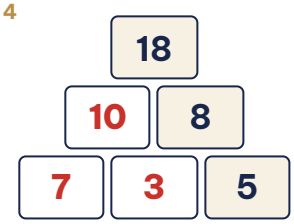
2



3

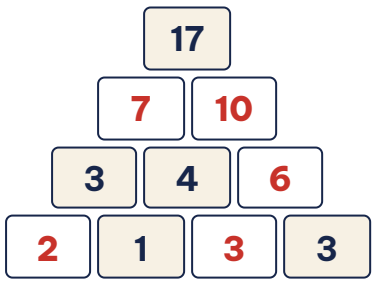


4

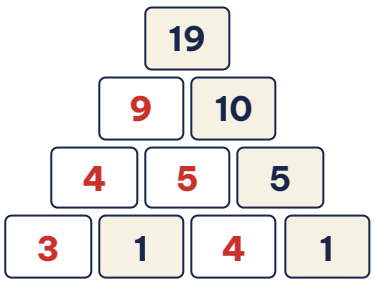


3 Tháp 4 tầng.

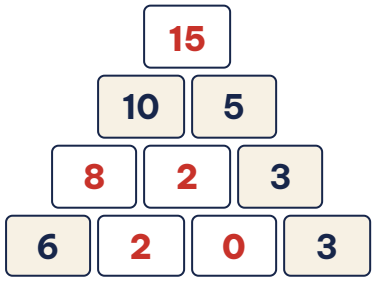
1



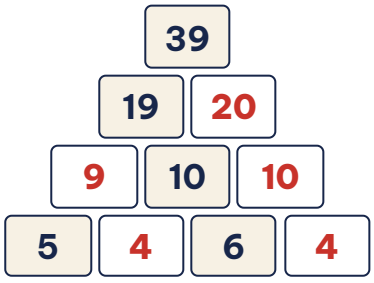
2



3



4



Gợi ý cho phụ huynh. Phần 2 và 3 không thể làm từ dưới lên ngay: con phải chọn ô nào tìm được trước. Hỏi con: "Ô nào con biết chắc chắn?" – đó chính là tư duy.

Tam giác số và bảng cộng kỳ diệu

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /31

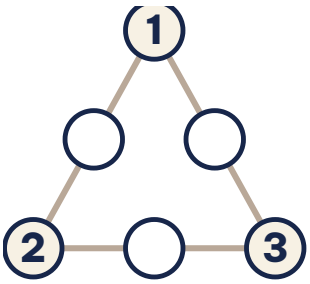
Dùng bút chì để tẩy được. Thử một số, cộng lại để kiểm tra, sai thì đổi số khác. Đáp án ở trang 2.

Tam giác số
Điền các số 1, 2, 3, 4, 5, 6 vào vòng tròn, mỗi số dùng một lần, sao cho tổng ba số trên mỗi cạnh đều bằng số ở giữa.

Bảng cộng
Ô vàng ở cuối hàng là tổng cả hàng; ô vàng ở dưới cột là tổng cả cột. Điền số vào ô trống.

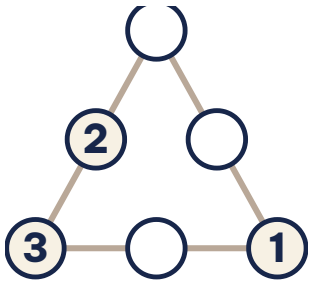
1 Tam giác số kỳ diệu.

1



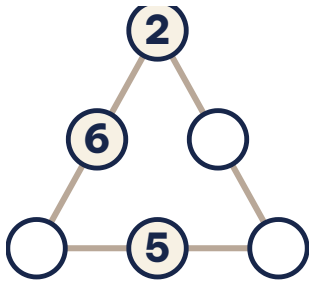
Mỗi cạnh có tổng = 9

2



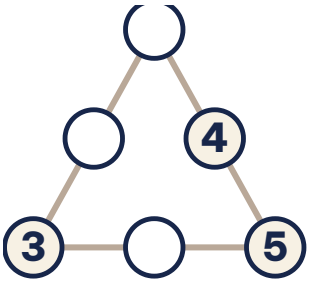
Mỗi cạnh có tổng = 10

3



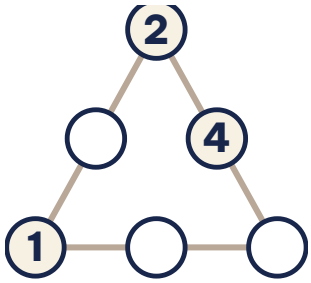
Mỗi cạnh có tổng = 9

4



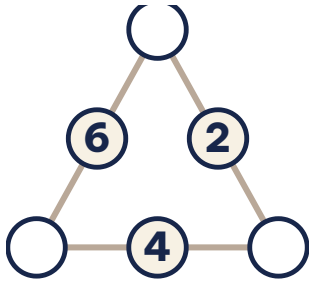
Mỗi cạnh có tổng = 10

5



Mỗi cạnh có tổng = 9

6



Mỗi cạnh có tổng = 10

2 Bảng cộng: tìm số trong ô trống.

1

		3	7
4	2		10
4	2		6
10	6	7	

2

		1	6
2	2		9
3		3	6
7	5	9	

3

	2		6
	4	3	8
		3	8
6	6	10	

Tam giác số và bảng cộng kỳ diệu

Đáp án

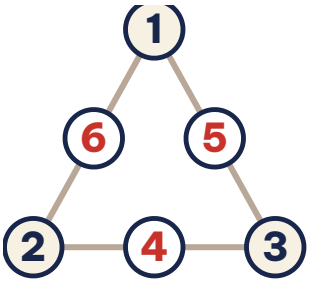
Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

Tam giác số
Điền các số 1, 2, 3, 4, 5, 6 vào vòng tròn, mỗi số dùng một lần, sao cho tổng ba số trên mỗi cạnh đều bằng số ở giữa.

Bảng cộng
Ô vàng ở cuối hàng là tổng cả hàng; ô vàng ở dưới cột là tổng cả cột. Điền số vào ô trống.

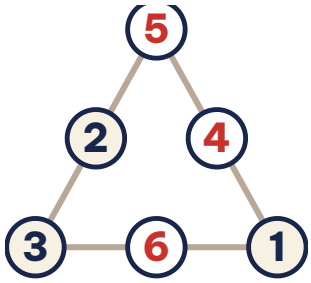
1 Tam giác số kỳ diệu.

1



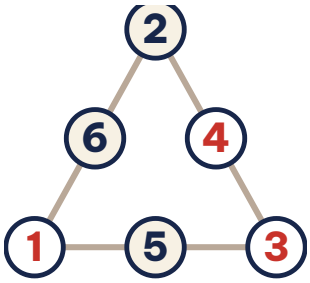
Mỗi cạnh có tổng = 9

2



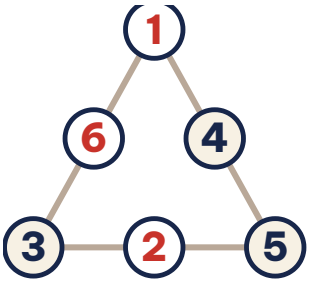
Mỗi cạnh có tổng = 10

3



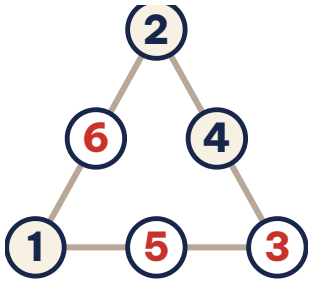
Mỗi cạnh có tổng = 9

4



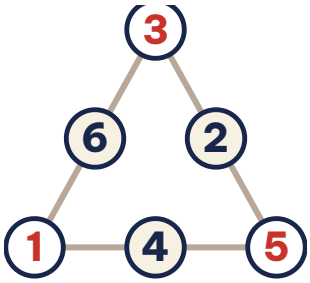
Mỗi cạnh có tổng = 10

5



Mỗi cạnh có tổng = 9

6



Mỗi cạnh có tổng = 10

2 Bảng cộng: tìm số trong ô trống.

1

2	2	3	7
4	2	4	10
4	2	0	6
10	6	7	

2

2	3	1	6
2	2	5	9
3	0	3	6
7	5	9	

3

0	2	4	6
1	4	3	8
5	0	3	8
6	6	10	

Gợi ý cho phụ huynh. Tam giác số: bắt đầu từ cạnh chỉ thiếu một số. Bảng cộng: tìm hàng (hoặc cột) chỉ có một ô trống trước, rồi dùng số vừa tìm để mở tiếp. Cho con làm bằng bút chì để tẩy được.

KODOMO SOROBAN CENTER · PHIẾU BÀI TẬP SOROBAN SỐ 20

So sánh: điền dấu >, <, =

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /40

Tính hai bên trước rồi mới so sánh. Dấu "mở" về phía số lớn hơn.

2 + 6 ◯ 9	7 + 3 ◯ 2 + 4	0 ◯ 11	8 ◯ 3 + 5
13 ◯ 14	2 ◯ 5	2 + 6 ◯ 5	3 + 2 ◯ 1 + 0
5 ◯ 5 + 1	2 + 7 ◯ 7 + 1	6 + 2 ◯ 7	4 + 1 ◯ 4
7 + 1 ◯ 2	3 ◯ 4 + 0	2 ◯ 6 + 2	5 + 5 ◯ 4 + 0
10 ◯ 6 + 0	8 ◯ 1 + 0	10 ◯ 3 + 4	4 + 4 ◯ 5 + 3
15 ◯ 17	1 + 1 ◯ 4 + 4	6 + 1 ◯ 9	5 + 4 ◯ 2 + 2
1 + 5 ◯ 4 + 2	7 + 1 ◯ 8	12 ◯ 0	0 + 0 ◯ 2 + 7
6 + 2 ◯ 0 + 10	1 ◯ 17	9 + 0 ◯ 1 + 6	0 + 5 ◯ 0 + 0
6 + 0 ◯ 5	3 + 4 ◯ 4	1 + 4 ◯ 5	3 ◯ 3
10 ◯ 8	1 + 1 ◯ 7	1 + 5 ◯ 4	15 ◯ 8

So sánh: điền dấu >, <, =

Đáp án · Lớp 1

Đáp án

Tính hai bên trước rồi mới so sánh. Dấu "mở" về phía số lớn hơn.

2 + 6 < 9	7 + 3 > 2 + 4	0 < 11	8 = 3 + 5
13 < 14	2 < 5	2 + 6 > 5	3 + 2 > 1 + 0
5 < 5 + 1	2 + 7 > 7 + 1	6 + 2 > 7	4 + 1 > 4
7 + 1 > 2	3 < 4 + 0	2 < 6 + 2	5 + 5 > 4 + 0
10 > 6 + 0	8 > 1 + 0	10 > 3 + 4	4 + 4 = 5 + 3
15 < 17	1 + 1 < 4 + 4	6 + 1 < 9	5 + 4 > 2 + 2
1 + 5 = 4 + 2	7 + 1 = 8	12 > 0	0 + 0 < 2 + 7
6 + 2 < 0 + 10	1 < 17	9 + 0 > 1 + 6	0 + 5 > 0 + 0
6 + 0 > 5	3 + 4 > 4	1 + 4 = 5	3 = 3
10 > 8	1 + 1 < 7	1 + 5 > 4	15 > 8

Cân thăng bằng: quả nào nặng hơn?

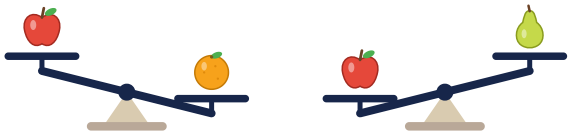
Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /12

Đĩa cân nào thấp hơn thì bên đó nặng hơn. Cân nằm ngang (thăng bằng) thì hai bên nặng bằng nhau. Đáp án ở trang 2.

1 Nhìn hai cái cân, khoanh vào quả đúng.

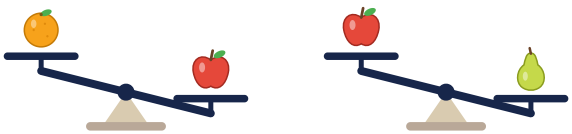
1



Khoanh quả nặng nhất:



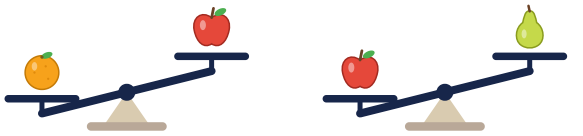
2



Khoanh quả nhẹ nhất:



3



Khoanh quả nặng nhất:



4

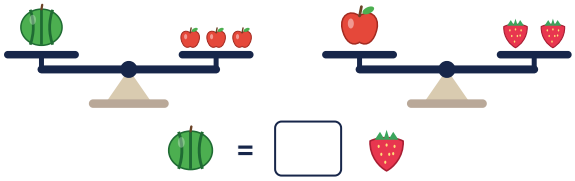


Khoanh quả nhẹ nhất:

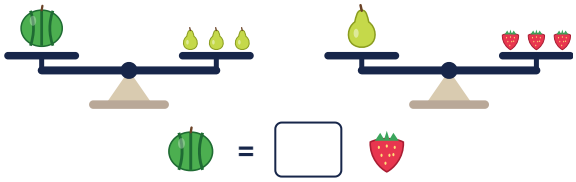


2 Cân thăng bằng: 1 quả bên trái nặng bằng mấy quả?

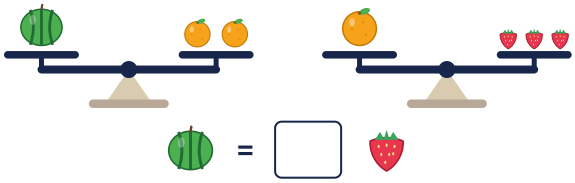
1



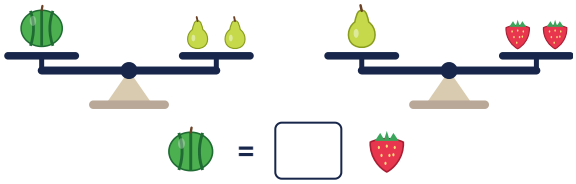
2



3

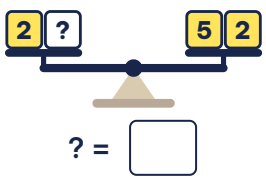


4

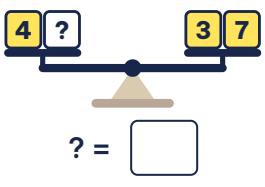


3 Cân thăng bằng: quả cân dấu ? nặng bao nhiêu?

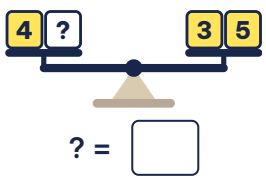
1



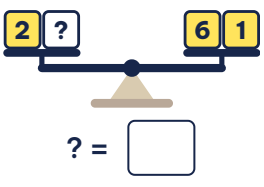
2



3



4



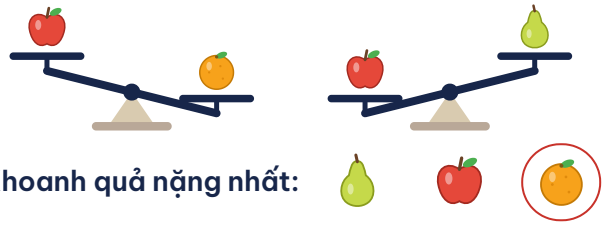
Cân thăng bằng: quả nào nặng hơn?

Đáp án

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

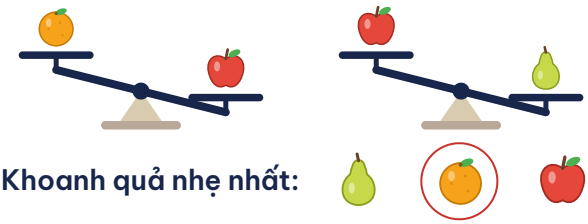
1 Nhìn hai cái cân, khoanh vào quả đúng.

1



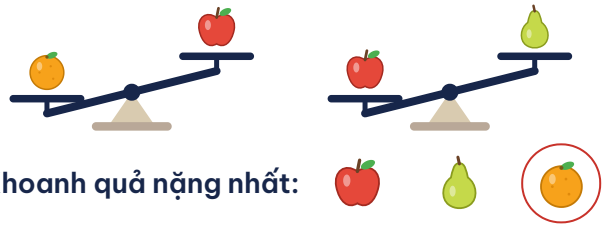
Khoanh quả nặng nhất: quả lê, quả táo, **quả cam**

2



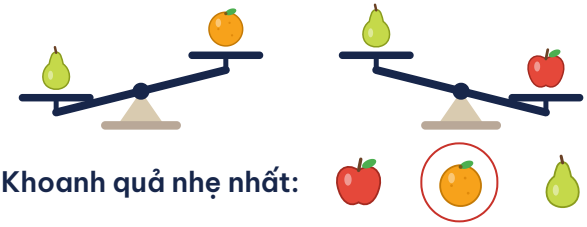
Khoanh quả nhẹ nhất: quả lê, **quả cam**, quả táo

3



Khoanh quả nặng nhất: quả táo, quả lê, **quả cam**

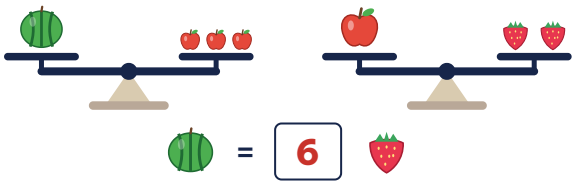
4



Khoanh quả nhẹ nhất: quả táo, **quả cam**, quả lê

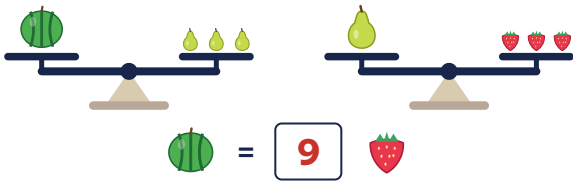
2 Cân thăng bằng: 1 quả bên trái nặng bằng mấy quả?

1



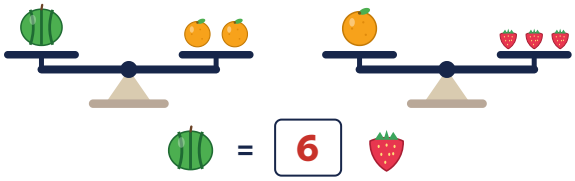
= **6**

2



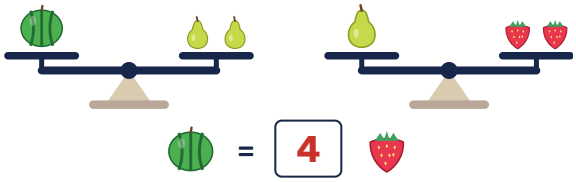
= **9**

3



= **6**

4



= **4**

3 Cân thăng bằng: quả cân dấu ? nặng bao nhiêu?

1



? = **5**

2



? = **6**

3



? = **4**

4



? = **5**

Gợi ý cho phụ huynh. Phần 2: ví dụ 1 dưa hấu nặng bằng 2 quả táo, mỗi quả táo lại nặng bằng 3 quả dâu – con vẽ ra: 3 + 3 = 6 quả dâu. Phần 3: hai bên bằng nhau, nên số bên trái cộng lại bằng số bên phải cộng lại.

Tìm quy luật của dãy số

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /20

Xem hai số liền nhau hơn kém nhau bao nhiêu, rồi viết tiếp. Có dãy đếm tiến, có dãy đếm lùi, có dãy cách 2, cách 5.

9 , 19 , 29 , ☐ , ☐ , ☐

14 , 12 , 10 , ☐ , ☐ , ☐

4 , 6 , 8 , ☐ , ☐ , ☐

8 , 13 , 18 , ☐ , ☐ , ☐

1 , 3 , 5 , ☐ , ☐ , ☐

10 , 15 , 20 , ☐ , ☐ , ☐

4 , 9 , 14 , ☐ , ☐ , ☐

3 , 5 , 7 , ☐ , ☐ , ☐

11 , 14 , 17 , ☐ , ☐ , ☐

16 , 14 , 12 , ☐ , ☐ , ☐

5 , 6 , 7 , ☐ , ☐ , ☐

6 , 11 , 16 , ☐ , ☐ , ☐

20 , 19 , 18 , ☐ , ☐ , ☐

4 , 5 , 6 , ☐ , ☐ , ☐

7 , 17 , 27 , ☐ , ☐ , ☐

11 , 16 , 21 , ☐ , ☐ , ☐

9 , 10 , 11 , ☐ , ☐ , ☐

6 , 8 , 10 , ☐ , ☐ , ☐

4 , 7 , 10 , ☐ , ☐ , ☐

6 , 7 , 8 , ☐ , ☐ , ☐

Tìm quy luật của dãy số

Đáp án · Lớp 1

Đáp án

Xem hai số liền nhau hơn kém nhau bao nhiêu, rồi viết tiếp. Có dãy đếm tiến, có dãy đếm lùi, có dãy cách 2, cách 5.

9 , 19 , 29 , **39** , **49** , **59**

4 , 6 , 8 , **10** , **12** , **14**

1 , 3 , 5 , **7** , **9** , **11**

4 , 9 , 14 , **19** , **24** , **29**

11 , 14 , 17 , **20** , **23** , **26**

5 , 6 , 7 , **8** , **9** , **10**

20 , 19 , 18 , **17** , **16** , **15**

7 , 17 , 27 , **37** , **47** , **57**

9 , 10 , 11 , **12** , **13** , **14**

4 , 7 , 10 , **13** , **16** , **19**

14 , 12 , 10 , **8** , **6** , **4**

8 , 13 , 18 , **23** , **28** , **33**

10 , 15 , 20 , **25** , **30** , **35**

3 , 5 , 7 , **9** , **11** , **13**

16 , 14 , 12 , **10** , **8** , **6**

6 , 11 , 16 , **21** , **26** , **31**

4 , 5 , 6 , **7** , **8** , **9**

11 , 16 , 21 , **26** , **31** , **36**

6 , 8 , 10 , **12** , **14** , **16**

6 , 7 , 8 , **9** , **10** , **11**

Tìm quy luật của hình

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /11

Nhìn từng điều: hình dạng, màu, to nhỏ, số chấm, hướng mũi tên. Điều nào lặp lại? Điều nào tăng dần? Đáp án ở trang 2.

1 Hình tiếp theo là hình nào? Khoanh vào A, B hoặc C.

1 

2 

3 

4 

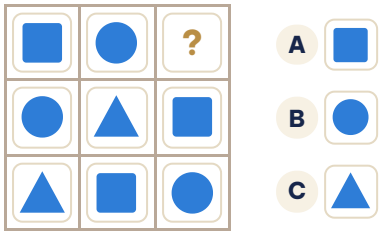
5 

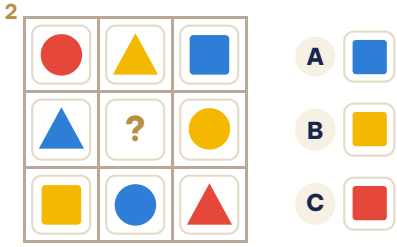
6 

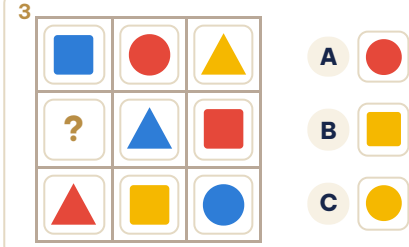
7 

8 

2 Mỗi hàng, mỗi cột có đủ ba hình, không hình nào lặp lại. Ô dấu ? là hình nào?

1 

2 

3 

Tìm quy luật của hình

Đáp án

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

1 Hình tiếp theo là hình nào? Khoanh vào A, B hoặc C.

1 ● ● ● ● ● ● ? A ● B ● **C ●**

2 ■ ▲ ● ■ ▲ ● ? **A ■** B ● C ▲

3 ★ ■ ■ ★ ■ ■ ? **A ■** B ♥ C ★

4 ▲ ● ■ ▲ ● ■ ? **A ●** B ● C ▲

5 ⁘ ⁘ ⁘ ⁘ ⁘ ⁘ **A ⁘** B ⁘ C ⁘

6 → ↓ ← ↑ → ↓ ← ↑ → A ↓ **B →** C ←

7 ♥ ♥ ♥ ♥ ♥ ♥ ♥ A ♥ **B ♥** C ♥

8 ▁ ▂ ▃ ▅ ▇ ▅ ▃ ▂ ▁ **A ▇** B ▅ C ▃

2 Mỗi hàng, mỗi cột có đủ ba hình, không hình nào lặp lại. Ô dấu ? là hình nào?

1 ■ ● ▲ / ● ▲ ■ / ▲ ■ ● A ■ B ● **C ▲**

2 ● ▲ ■ / ▲ ■ ● / ■ ● ▲ A ■ B ■ **C ■**

3 ■ ● ▲ / ● ▲ ■ / ▲ ■ ● A ● B ■ **C ●**

Gợi ý cho phụ huynh. Nhờ con đọc to quy luật: "đỏ – xanh – đỏ – xanh…", "tròn, tam giác; màu thì đỏ, xanh, vàng". Câu 4 có hai quy luật cùng lúc (hình đổi sau 2, màu đổi sau 3). Câu 8: mỗi cột hơn cột trước 2 ô.

Giải mã: mỗi loại quả là số mấy?

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /9

Cùng một loại quả thì là cùng một số. Tìm dòng dễ nhất trước. Đáp án ở trang 2.

Mỗi loại quả là một số

Cùng một loại quả thì luôn là cùng một số. 🍎 + 🍎 = 6 nên 🍎 = 3.

Làm từ dòng dễ nhất

Tìm dòng chỉ có một loại quả trước, rồi thay số vừa tìm vào các dòng sau.

1 Mỗi quả là số mấy? Tính dòng cuối.

1

🍐 + 🍐 = 2

🍐 + 🍓 = 6

🍓 + 🍓 = ☐

2

🍎 + 🍎 + 🍎 = 9

🍎 + 🍊 = 8

🍊 − 🍓 = 1

🍎 + 🍓 = ☐

3

🍐 + 🍊 = 3

🍐 + 🍐 = 4

🍊 + 🍓 = 8

🍓 − 🍐 = ☐

4

🍐 + 🍐 = 4

🍎 + 🍐 = 10

🍊 + 🍊 + 🍊 = 9

🍎 + 🍐 + 🍊 = ☐

5

🍊 + 🍊 = 2

🍐 − 🍊 = 5

🍓 + 🍐 = 10

🍓 + 🍊 = ☐

6

🍊 + 🍎 = 8

🍊 − 🍎 = 2

🍊 + 🍊 + 🍎 = ☐

7

🍐 + 🍐 = 4

🍎 + 🍎 + 🍎 = 3

🍐 + 🍎 = ☐

8

🍎 − 🍊 = 3

🍊 + 🍊 = 6

🍐 − 🍎 = 3

🍐 − 🍊 = ☐

9

🍎 + 🍐 = 10

🍐 + 🍊 = 7

🍎 + 🍊 = 9

🍎 + 🍐 + 🍊 = ☐

Giải mã: mỗi loại quả là số mấy?

Đáp án

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

Mỗi loại quả là một số

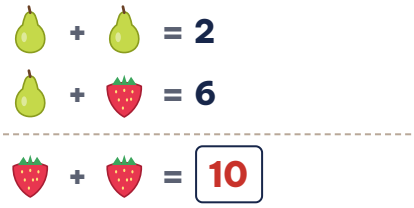
Cùng một loại quả thì luôn là cùng một số.  +  = 6 nên  = 3.

Làm từ dòng dễ nhất

Tìm dòng chỉ có một loại quả trước, rồi thay số vừa tìm vào các dòng sau.

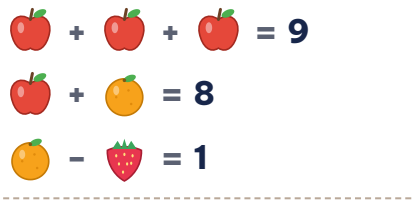
1 Mỗi quả là số mấy? Tính dòng cuối.

1



= 1 · = 5

2



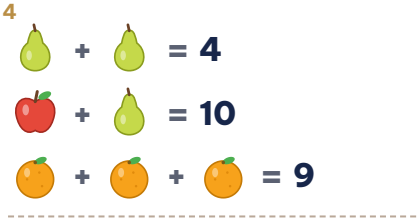
= 3 · = 5 · = 4

3



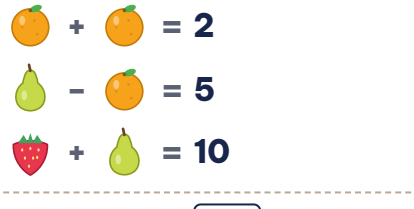
= 2 · = 1 · = 7

4



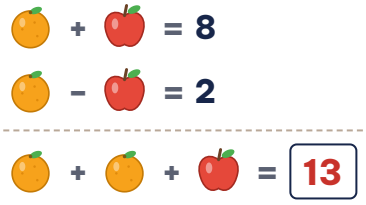
= 8 · = 2 · = 3

5



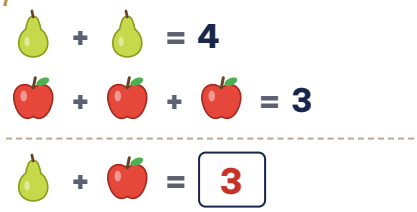
= 1 · = 6 · = 4

6



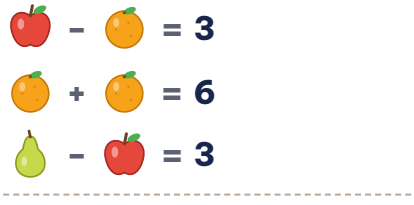
= 5 · = 3

7



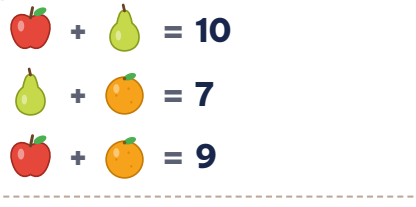
= 2 · = 1

8



= 6 · = 3 · = 9

9



= 6 · = 4 · = 3

Gợi ý cho phụ huynh. Dòng nhỏ dưới mỗi bài là giá trị từng quả. Đây là bước đầu của "tìm số chưa biết" – con đang làm phương trình mà không cần chữ x.

Sudoku 4 × 4 cho bé

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /6

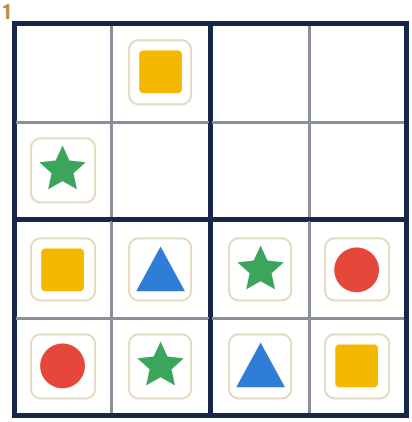
Mỗi hàng, mỗi cột, mỗi ô 2 × 2 viền đậm đều có đủ 1, 2, 3, 4. Dùng bút chì. Đáp án ở trang 2.

Luật chơi
Mỗi hàng, mỗi cột và mỗi ô vuông lớn 2 × 2 (viền đậm) đều có đủ 1, 2, 3, 4 – không số nào lặp lại.

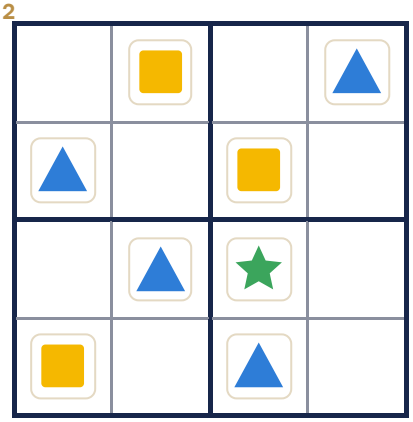
Bài 1, 2 dùng hình
Vẽ đủ 4 hình  vào mỗi hàng, mỗi cột, mỗi ô 2 × 2.

1 Điền vào ô trống.

1



2



3

	4	3	2
	2		4
4			3
	3	4	

4

4	2		
3			
2	4		3
1		2	

5

2	4		
		4	
3	1		
	2		3

6

	2	3	1
		2	
	1		2

Sudoku 4 × 4 cho bé

Đáp án

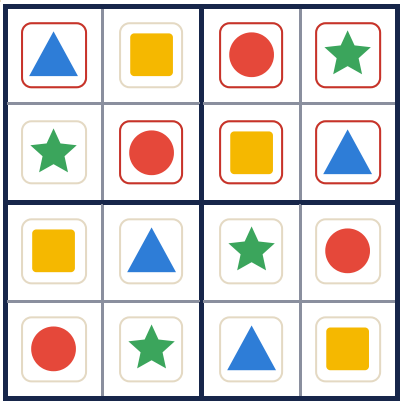
Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

Luật chơi
Mỗi hàng, mỗi cột và mỗi ô vuông lớn 2 × 2 (viền đậm) đều có đủ 1, 2, 3, 4 – không số nào lặp lại.

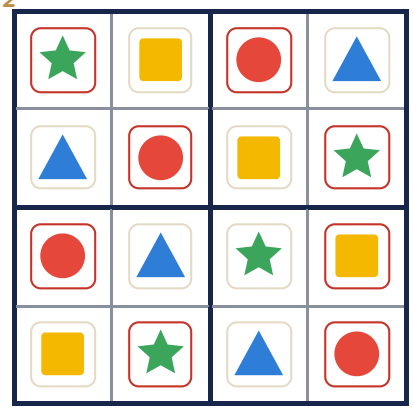
Bài 1, 2 dùng hình
Vẽ đủ 4 hình  vào mỗi hàng, mỗi cột, mỗi ô 2 × 2.

1 Điền vào ô trống.

1



2



3

1	4	3	2
3	2	1	4
4	1	2	3
2	3	4	1

4

4	2	3	1
3	1	4	2
2	4	1	3
1	3	2	4

5

2	4	3	1
1	3	4	2
3	1	2	4
4	2	1	3

6

4	2	3	1
1	3	2	4
3	1	4	2
2	4	1	3

Gợi ý cho phụ huynh. Tìm hàng, cột hoặc ô 2 × 2 chỉ còn thiếu một số – điền số đó trước. Bài 5, 6 ít số gợi ý hơn: con phải thử và loại trừ. Mỗi bài chỉ có đúng một cách điền.

Suy luận: ai cao nhất, xếp hàng, đố vui

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /10

Bố mẹ đọc to cùng con. Vẽ ra giấy nháp: mỗi bạn là một que, mỗi toa tàu là một ô. Đáp án ở trang 2.

1 Đọc rồi trả lời. Viết tên vào ô.

1
Phúc cao hơn Quân. Phúc thấp hơn Minh.

Ai thấp nhất? ☐

2
Minh nhẹ hơn An. An nhẹ hơn Mai.

Ai nhẹ nhất? ☐

3
An chạy nhanh hơn Minh. Minh chạy nhanh hơn Khôi. Hà chạy nhanh hơn An.

Ai chạy nhanh nhất? ☐

4
An ít kẹo hơn Phúc. Minh ít kẹo hơn An. Lan ít kẹo hơn Minh.

Ai ít kẹo nhất? ☐

2 Xếp hàng: viết tên mỗi bạn vào đúng chỗ.

1
4 bạn Chi, Khôi, An và Nam xếp một hàng (số 1 là đầu hàng).

- Chi không đứng cạnh Khôi.
- An đứng cuối hàng.
- An không đứng cạnh Chi.

	1	2	3	4
Đầu hàng →				

2
4 bạn Lan, Chi, Bình và Phúc xếp một hàng (số 1 là đầu hàng).

- Bình không đứng cạnh Phúc.
- Bình không đứng đầu, cũng không đứng cuối.
- Lan đứng ngay sau Phúc.

	1	2	3	4
Đầu hàng →				

3 Đố vui có lời văn.

1
Trong sân có 2 con gà và 1 con chó. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái chân?

Trả lời: ☐ **cái chân**

2
Đoàn tàu có 9 toa. Toa của Minh là toa thứ 4 tính từ đầu tàu. Tính từ cuối tàu, toa của Minh là toa thứ mấy?

Trả lời: ☐

3
Có 9 bạn xếp một hàng dọc. Có 3 bạn đứng trước Nam. Hỏi có mấy bạn đứng sau Nam?

Trả lời: ☐ **bạn**

4
Năm nay em 6 tuổi. Anh hơn em 2 tuổi. Hỏi 2 năm nữa anh bao nhiêu tuổi?

Trả lời: ☐ **tuổi**

Suy luận: ai cao nhất, xếp hàng, đố vui

Đáp án

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

1 Đọc rồi trả lời. Viết tên vào ô.

1
Phúc cao hơn Quân. Phúc thấp hơn Minh.

Ai thấp nhất? Quân

2
Minh nhẹ hơn An. An nhẹ hơn Mai.

Ai nhẹ nhất? Minh

3
An chạy nhanh hơn Minh. Minh chạy nhanh hơn Khôi. Hà chạy nhanh hơn An.

Ai chạy nhanh nhất? Hà

4
An ít kẹo hơn Phúc. Minh ít kẹo hơn An. Lan ít kẹo hơn Minh.

Ai ít kẹo nhất? Lan

2 Xếp hàng: viết tên mỗi bạn vào đúng chỗ.

1
4 bạn Chi, Khôi, An và Nam xếp một hàng (số 1 là đầu hàng).

- Chi không đứng cạnh Khôi.
- An đứng cuối hàng.
- An không đứng cạnh Chi.

	1	2	3	4
Đầu hàng →	Chi	Nam	Khôi	An

2
4 bạn Lan, Chi, Bình và Phúc xếp một hàng (số 1 là đầu hàng).

- Bình không đứng cạnh Phúc.
- Bình không đứng đầu, cũng không đứng cuối.
- Lan đứng ngay sau Phúc.

	1	2	3	4
Đầu hàng →	Phúc	Lan	Bình	Chi

3 Đố vui có lời văn.

1
Trong sân có 2 con gà và 1 con chó. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái chân?

Trả lời: 8 **cái chân**

2
Đoàn tàu có 9 toa. Toa của Minh là toa thứ 4 tính từ đầu tàu. Tính từ cuối tàu, toa của Minh là toa thứ mấy?

Trả lời: 6

3
Có 9 bạn xếp một hàng dọc. Có 3 bạn đứng trước Nam. Hỏi có mấy bạn đứng sau Nam?

Trả lời: 5 **bạn**

4
Năm nay em 6 tuổi. Anh hơn em 2 tuổi. Hỏi 2 năm nữa anh bao nhiêu tuổi?

Trả lời: 10 **tuổi**

Gợi ý cho phụ huynh. Cho con vẽ: các bạn là que đứng cạnh nhau, đoàn tàu là các ô vuông. Câu 3 phần 3 hay sai vì quên không tính chính Nam. Vẽ ra là thấy ngay.

Đếm hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /9

Mỗi hình có thể ghép từ nhiều mảnh nhỏ. Nhớ đếm cả hình to nhất. Đáp án ở trang 2.

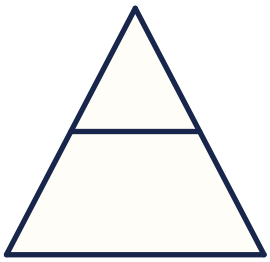


Ví dụ: có 3 hình tam giác
2 hình 1 mảnh + 1 hình ghép từ 2 mảnh.

Đếm theo thứ tự để không sót, không trùng
Đếm hình 1 mảnh trước, rồi hình ghép từ 2 mảnh, 3 mảnh... Có thể tô màu từng hình đã đếm bằng bút chì màu khác nhau.

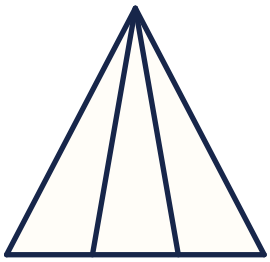
1 Đếm hình. Viết số vào ô.

1



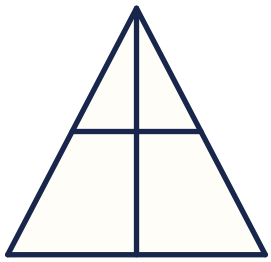
Có ☐ hình tam giác

2



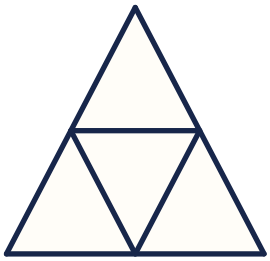
Có ☐ hình tam giác

3



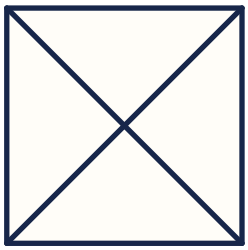
Có ☐ hình tam giác

4



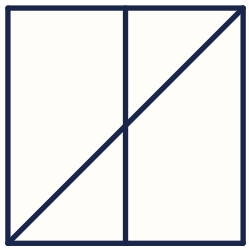
Có ☐ hình tam giác

5



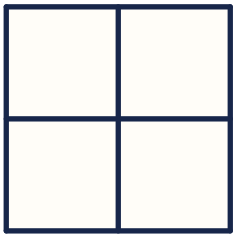
Có ☐ hình tam giác

6



Có ☐ hình tam giác

7



Có ☐ hình vuông

8



Có ☐ hình vuông

9



Có ☐ hình chữ nhật

Đếm hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật

Đáp án

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

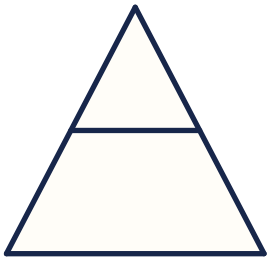


Ví dụ: có 3 hình tam giác
2 hình 1 mảnh + 1 hình ghép từ 2 mảnh.

Đếm theo thứ tự để không sót, không trùng
Đếm hình 1 mảnh trước, rồi hình ghép từ 2 mảnh, 3 mảnh... Có thể tô màu từng hình đã đếm bằng bút chì màu khác nhau.

1 Đếm hình. Viết số vào ô.

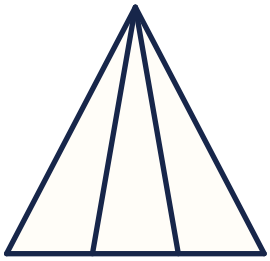
1



Có **2** hình tam giác

1 mảnh: 1 · 2 mảnh: 1

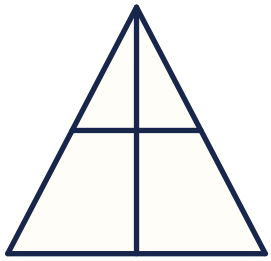
2



Có **6** hình tam giác

1 mảnh: 3 · 2 mảnh: 2 · 3 mảnh: 1

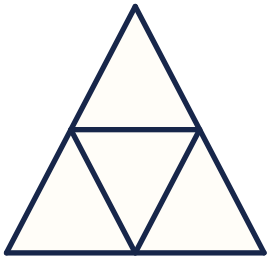
3



Có **6** hình tam giác

1 mảnh: 2 · 2 mảnh: 3 · 4 mảnh: 1

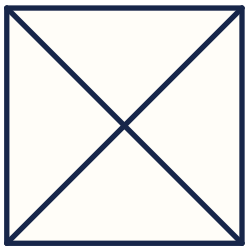
4



Có **5** hình tam giác

1 mảnh: 4 · 4 mảnh: 1

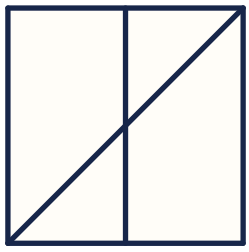
5



Có **8** hình tam giác

1 mảnh: 4 · 2 mảnh: 4

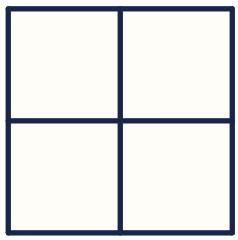
6



Có **4** hình tam giác

1 mảnh: 2 · 2 mảnh: 2

7



Có **5** hình vuông

1 mảnh: 4 · 4 mảnh: 1

8



Có **3** hình vuông

1 mảnh: 3

9



Có **6** hình chữ nhật

1 mảnh: 3 · 2 mảnh: 2 · 3 mảnh: 1

Gợi ý cho phụ huynh. Dòng chữ nhỏ dưới mỗi hình là cách đếm theo số mảnh. Ở hình 2: 3 hình 1 mảnh, 2 hình 2 mảnh, 1 hình 3 mảnh – 3 + 2 + 1 = 6. Con đếm sai thường do quên hình to nhất (hình ngoài cùng).

Đếm khối lập phương

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /12

Đếm từng tầng, từ dưới lên. Đừng quên những khối bị che phía sau. Đáp án ở trang 2.

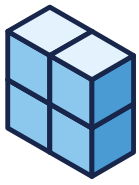


Khối nào cũng đặt trên sàn hoặc trên một khối khác
Nên có những khối bị che ở phía sau, phía dưới – nhớ đếm cả những khối đó. Hình bên có 8 khối: tầng dưới 4, tầng trên 4.

Đếm theo tầng
Đếm tầng dưới cùng trước, rồi tầng 2, tầng 3. Cộng lại.

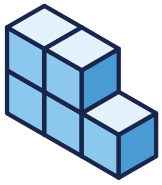
1 Có bao nhiêu khối lập phương?

1



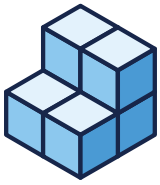
Có ☐ khối

2



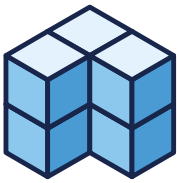
Có ☐ khối

3



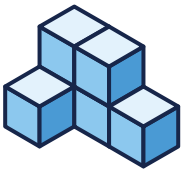
Có ☐ khối

4



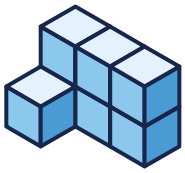
Có ☐ khối

5



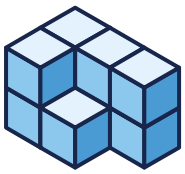
Có ☐ khối

6



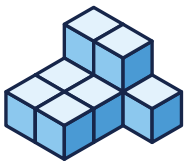
Có ☐ khối

7



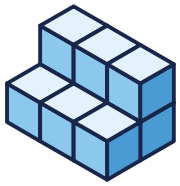
Có ☐ khối

8



Có ☐ khối

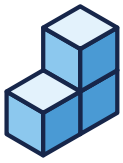
9



Có ☐ khối

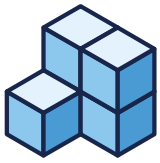
2 Cần thêm mấy khối để được khối to như hình mẫu (8 khối)?

1



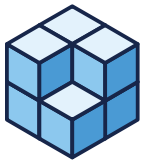
Thêm ☐ khối

2



Thêm ☐ khối

3



Thêm ☐ khối

Đếm khối lập phương

Đáp án

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

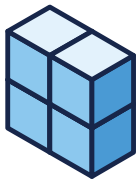


Khối nào cũng đặt trên sàn hoặc trên một khối khác
Nên có những khối bị che ở phía sau, phía dưới – nhớ đếm cả những khối đó. Hình bên có 8 khối: tầng dưới 4, tầng trên 4.

Đếm theo tầng
Đếm tầng dưới cùng trước, rồi tầng 2, tầng 3. Cộng lại.

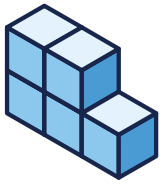
1 Có bao nhiêu khối lập phương?

1



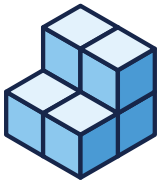
Có **4** khối

2



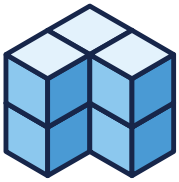
Có **5** khối

3



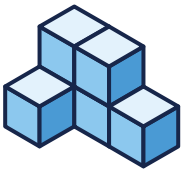
Có **6** khối

4



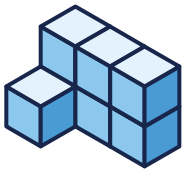
Có **6** khối

5



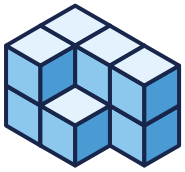
Có **6** khối

6



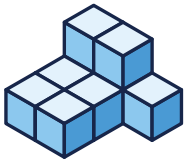
Có **7** khối

7



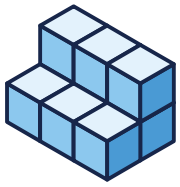
Có **9** khối

8



Có **9** khối

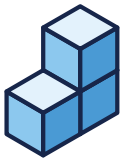
9



Có **9** khối

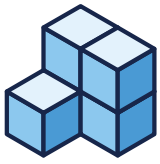
2 Cần thêm mấy khối để được khối to như hình mẫu (8 khối)?

1



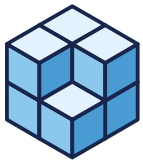
Thêm **5** khối

2



Thêm **3** khối

3



Thêm **1** khối

Gợi ý cho phụ huynh. Nếu ở nhà có hộp sữa, hộp diêm hay khối gỗ, hãy xếp đúng như hình cho con đếm. Cầm được thì con hiểu ngay vì sao phải đếm cả khối bị che.

Vẽ hình trên lưới chấm, hình đối xứng

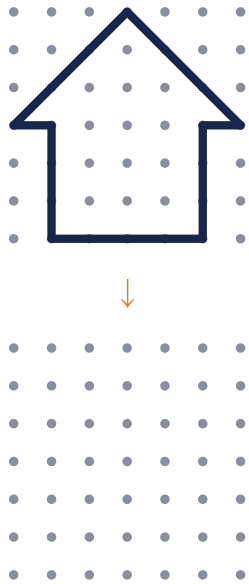
Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /6

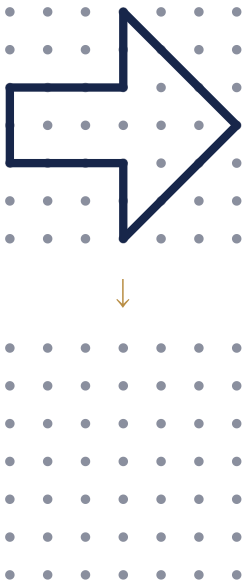
Dùng thước kẻ và bút chì. Đếm chấm trước khi nối: sang mấy chấm, xuống mấy chấm. Đáp án ở trang 2.

1 Nhìn hình mẫu ở trên, nối các chấm để vẽ hình giống hệt ở dưới.

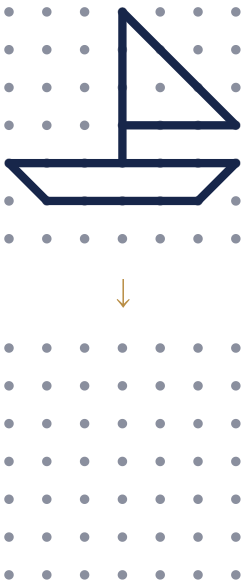
1



2

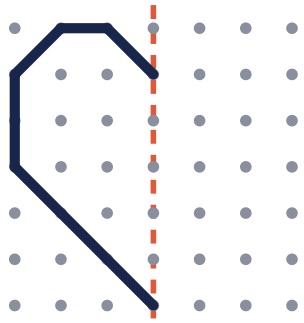


3



2 Vẽ nốt nửa bên phải để hình cân đối (gấp đôi theo đường chấm đỏ thì hai nửa trùng nhau).

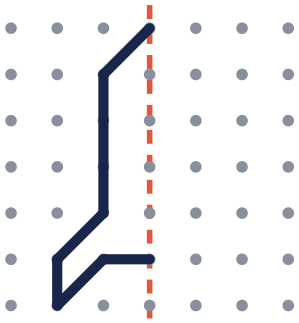
1



2



3



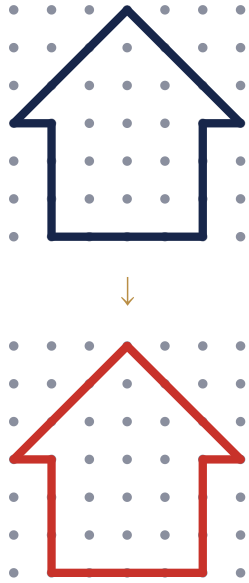
Vẽ hình trên lưới chấm, hình đối xứng

Đáp án

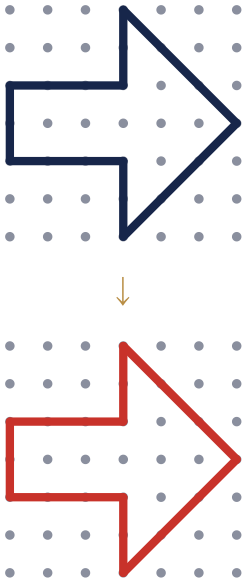
Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

1 Nhìn hình mẫu ở trên, nối các chấm để vẽ hình giống hệt ở dưới.

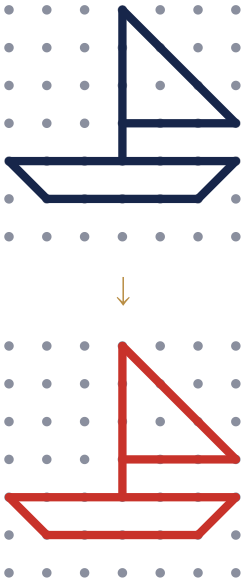
1



2

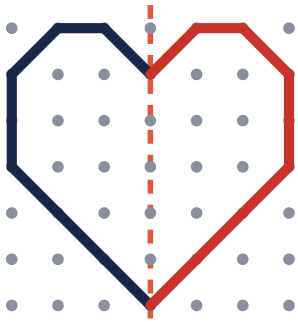


3



2 Vẽ nốt nửa bên phải để hình cân đối (gấp đôi theo đường chấm đỏ thì hai nửa trùng nhau).

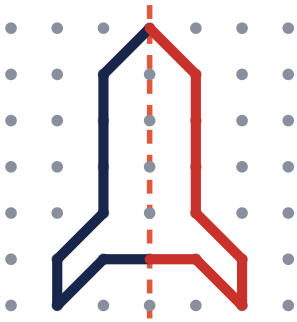
1



2



3



Gợi ý cho phụ huynh. Đếm chấm: "đi sang phải 3 chấm, xuống 2 chấm". Phần 2: mỗi điểm bên trái cách đường đỏ bao nhiêu chấm thì điểm bên phải cũng cách đường đỏ bấy nhiêu chấm. Đây là cách luyện hình dung không gian rất quen thuộc với học sinh Nhật.

Mê cung số: cộng, trừ, đếm thêm 2

Lớp 1

Họ tên: Ngày: Thời gian: Điểm: /3

Tính kết quả từng ô (có thể viết nhỏ bên cạnh), rồi tìm đường đi. Đáp án ở trang 2.

1 Mê cung số: tô màu các ô trên đường đi từ «Bắt đầu» đến «Đích». Đi sang ô bên cạnh (trên, dưới, trái, phải).

1

Chỉ đi qua các ô có kết quả bằng 10.

Bắt đầu 2 + 8	8 + 2	3 + 7	6 + 4	6 + 2
1 + 8	2 + 5	4 + 4	8 + 2	3 + 5
1 + 7	2 + 7	7 + 3	8 + 2	3 + 6
1 + 7	5 + 2	5 + 5	6 + 2	2 + 5
7 + 2	5 + 2	9 + 1	7 + 3	Đích 3 + 7

2

Chỉ đi qua các ô có kết quả bằng 6.

Bắt đầu 8 − 2	8 − 2	8 − 5	4 + 3	10 − 3
8 + 1	5 + 1	3 + 2	7 + 2	6 + 2
10 − 4	10 − 4	2 + 6	2 + 5	8 − 4
2 + 4	9 − 1	3 + 3	3 + 3	7 − 1
9 − 3	9 − 3	4 + 2	1 + 2	Đích 8 − 2

3

Đếm thêm 2: đi theo 2, 4, 6, 8 … đến đích.

Bắt đầu 2	7	10	12	14
4	6	8	13	16
5	15	17	19	18
25	7	5	27	20
1	25	25	24	Đích 22

Mê cung số: cộng, trừ, đếm thêm 2

Đáp án

Đáp án – phụ huynh giữ, chấm cùng con sau khi con làm xong.

1 **Mê cung số: tô màu các ô trên đường đi từ «Bắt đầu» đến «Đích». Đi sang ô bên cạnh (trên, dưới, trái, phải).**

1

Chỉ đi qua các ô có kết quả bằng 10.

Bắt đầu 2 + 8	8 + 2	3 + 7	6 + 4	6 + 2
1 + 8	2 + 5	4 + 4	8 + 2	3 + 5
1 + 7	2 + 7	7 + 3	8 + 2	3 + 6
1 + 7	5 + 2	5 + 5	6 + 2	2 + 5
7 + 2	5 + 2	9 + 1	7 + 3	Đích 3 + 7

2

Chỉ đi qua các ô có kết quả bằng 6.

Bắt đầu 8 – 2	8 – 2	8 – 5	4 + 3	10 – 3
8 + 1	5 + 1	3 + 2	7 + 2	6 + 2
10 – 4	10 – 4	2 + 6	2 + 5	8 – 4
2 + 4	9 – 1	3 + 3	3 + 3	7 – 1
9 – 3	9 – 3	4 + 2	1 + 2	Đích 8 – 2

3

Đếm thêm 2: đi theo 2, 4, 6, 8 … đến đích.

Bắt đầu 2	7	10	12	14
4	6	8	13	16
5	15	17	19	18
25	7	5	27	20
1	25	25	24	Đích 22

Gợi ý cho phụ huynh. Con có thể tính hết các ô trước, khoanh các ô đúng, rồi mới tìm đường. Mỗi mê cung chỉ có một đường đi đúng.